TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THAN UYÊN** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số**:** 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17/4/2023
V/v*: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Trung Phước

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Khánh Ly; Ông Lò Văn Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thế - Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Tòng Văn T- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST - HNGĐ ngày 31/3/2023 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Chị Lù Thị T, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Bản H, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Anh Lò Văn X, sinh năm 1994;

Nơi cư trú: Bản H, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt không có rõ do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 9 năm 2022, bản tự khai ngày 04/11/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lù Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lù Thị T và anh Lò Văn X tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn đến ngày 18/02/2020 tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu. Sau khi kết hôn anh chị làm ăn sinh sống tại bản H, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Cuộc sống chung vợ

chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian, sau đó xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm. Nguyên nhân là do anh Lò Văn X có hành vi bạo lực, đánh đập chị và đồ đạc của chị khiến cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng anh chị đã tìm cách khắc phục, được gia đình hai bên động viên, nhưng đến thời điểm này, chị xét thấy tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã không chung sống với nhau từ tháng 4/2022 cho đến nay. Do vậy, chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lò Văn X.

- Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị Lù Thị T và anh Lò Văn X có một con chung chưa thành niên là Lò Huyền Thảo M, sinh ngày 11/6/2019. Ly hôn, chị T có yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Lò Huyền Thảo M cho đến khi cháu My thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị T không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị T và anh X không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, kèm theo đơn khởi kiện chị T đã nộp cho Tòa án: Trích lục kết hôn bản sao số 93 ngày 29 tháng 9 năm 2022 mang tên chị Lù Thị T và anh Lò Văn X; Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Lò Văn S; Giấy khai sinh của con chung Lò Huyền Thảo M, sinh ngày 11/6/2019; Chứng minh nhân dân mang tên Lù Thị T; Chứng minh nhân dân mang tên Lò Văn X *(các tài liệu kèm theo là bản phô tô chứng thực)*, việc giao nộp tài liệu chứng cứ đúng thời gian và đúng trình tự, thủ tục.

Sau khi xem xét đơn và tiến hành thụ lý vụ án hôn nhân gia đình, Tòa án nhân dân huyện T đã thực hiện đầy đủ các quy định tố tụng đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

Đối với bị đơn Lò Văn X: Sau khi thụ lý vụ án, tiến hành tống đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án, song bị đơn không có mặt tại nơi cư trú. Biên bản làm việc ngày 05/12/2022 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu, bà Lường Thị T - Phó Chủ tịch UBND xã cho biết: Anh Lò Văn X vẫn đăng ký thường trú tại bản H, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu mà không chuyển nơi cư trú. Việc anh X mang con Lò Huyền Thảo M chưa đủ 36 tháng tuổi đi làm ăn xa, nay UBND xã T đề nghị Tòa án xem xét giao con chung Lò Huyền Thảo M cho mẹ cháu là chị Lù Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục để cháu có điều kiện phát triển bình thường và được học hành. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện T đã triệu tập hợp lệ và tống đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng như Quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh Lò Văn X không có mặt để tham gia tố tụng, nên trong hồ sơ vụ án không thể hiện lời khai của anh Lò Văn X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, chính xác trình tự thủ tục tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cũng như các văn bản pháp lý liên quan.

Nguyên đơn trong vụ án chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83/Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273/Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27/Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Con chung Lò Huyền Thảo M chưa đủ 36 tháng tuổi nên đề nghị giao con chung cho nguyên đơn chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), để phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của pháp luật. Bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung do nguyên đơn không yêu cầu. Về tài sản chung, cho vay chung do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết và ấn định nghĩa vụ chịu án phí cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có nơi cư trú tại bản H, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39/Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T tỉnh Lai Châu. Bị đơn Lò Văn X không có yêu cầu phản tố, vắng mặt tại 02 phiên tòa không rõ lý do mặc dù Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án đã được tống đạt hợp lệ cho bị đơn. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228/Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, bị đơn vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 4 Điều 207/Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lù Thị T và anh Lò Văn X có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh X là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị T, anh X chung sống với nhau hạnh phúc, tuy nhiên thời gian gần đây đã phát sinh mâu

thuẫn. Nguyên nhân là do anh X có hành vi bạo lực gia đình, nhiều lần đánh đập chửi bới chị T. Chị T, anh X đã sống ly thân từ tháng 4/2022 cho đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa anh X, chị T không đạt được, chị T vẫn nhất quyết xin được ly hôn với anh X, vì vậy HĐXX cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56/Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn.

[3]. Về nuôi con chung: Chị Lù Thị T và anh Lò Văn X có 01 con chung chưa đủ 36 tháng tuổi và sống phụ thuộc. Anh X trong quá trình giải quyết vụ án đã không hợp tác với Tòa án để trình bày ý kiến, quan điểm của mình về việc nuôi con khi ly hôn, lại tự ý mang con nhỏ đi làm ăn xa, chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung. Con chung Lò Huyền Thảo M chưa đủ 36 tháng tuổi, rất cần bàn tay chăm sóc của người mẹ. Xét thấy nguyện vọng của nguyên đơn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lù Thị T để giao con chung cho nguyên đơn chăm sóc, nuôi dưỡng. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án hoặc khởi kiện vụ án dân sự khác về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Bị đơn không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147/Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83/Luật hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273/Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm d khoản 5 Điều 27/Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lù Thị T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Lù Thị T được ly hôn với bị đơn Lò Văn X.

3. Về nuôi con chung: Giao cho con chung chưa thành niên Lò Huyền Thảo M, sinh ngày 11/6/2019 cho nguyên đơn Lù Thị T trực tiếp trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) không bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bị đơn Lò Văn X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bị đơn không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con của nguyên đơn trực tiếp nuôi con.

4. Về án phí: Nguyên đơn Lù Thị T phải chịu 300.000[đ] án phí dân sự sơ thẩm, chị T đã nộp 300.000[đ] tạm ứng án phí theo biên lai số 0000951, ngày 04/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, nay 300.000[đ] đã nộp được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA dân sự huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đoàn Trung Phước